

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TS
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/DS-ST
Ngày: 07/12/2021
V/v: “Tranh chấp về Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

2. Ông Ngô Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 210/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Mai Thị S, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp ST, xã VĐ, huyện TS, tỉnh An Giang.

* Bị đơn: - Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

- Bà Dương N Ý, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp TB, xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Mai Thị S trình bày:*

Ngày 17/6/2020, ông Nguyễn Ngọc T và bà Dương N Ý có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng, có làm Hợp đồng vay mượn nợ, khi vay có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng nhưng không ghi trong biên nhận. Từ khi vay, sau 03 tháng ông T, bà Ý trả cho bà được 4.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng cho đến nay vẫn chưa trả tiền vốn. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà Ý trả số tiền còn nợ nhưng ông T, bà Ý né tránh không trả.

Nay bà Mai Thị S yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T và bà Dương N Ý có trách nhiệm trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 17/9/2020 cho đến khi xét xử.

** Về phía bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Dương N Ý:* Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng ông T, bà Ý không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T, bà Ý.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị S. Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Dương N Ý có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị S số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 17/9/2020 cho đến khi xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Dương N Ý có địa chỉ tại ấp TB, xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Dương N Ý đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Dương N Ý.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Mai Thị S với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Dương N Ý thực tế đã xảy ra được chứng minh tại Hợp đồng vay mượn nợ ngày 17/6/2020 có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981 cùng vợ là Dương N Ý, sinh năm 1979, hiện ngụ ấp TB, xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang có mượn của bà Mai Thị S số tiền 50.000.000 đồng. Lý do mượn xây dựng nhà. Thời hạn là hai tháng.....”. Cuối Hợp đồng vay mượn nợ có chữ ký của ông T, bà Ý. Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên đương sự được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có làm giấy tờ phù hợp pháp luật nên có giá trị pháp lý. Từ khi vay thì ông T, bà Ý chỉ trả tiền lãi được 4.000.000 đồng thì ngưng không trả và đến nay cũng chưa trả vốn cho bà S.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T, bà Ý để tham gia hòa giải và ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà S nhưng phía ông T, bà Ý đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nào phản đối yêu cầu khởi kiện của bà S nên xem như ông T, bà Ý đã từ bỏ quyền của mình, mặc nhiên thừa nhận còn nợ bà S số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy, ông T, bà Ý đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên bà S khởi kiện yêu cầu ông T, bà Ý trả số tiền gốc và lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Do đó, buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Dương N Ý phải trả cho bà Mai Thị S số tiền còn nợ gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Về lãi suất: Tại Hợp đồng vay mượn nợ hai bên không thỏa thuận mức lãi suất, nay bà S yêu cầu lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 17/9/2020 cho đến khi xét xử. Xét thấy mức lãi suất bà S yêu cầu là phù hợp quy định pháp luật nên cần được chấp nhận. Vì vậy, tiền lãi tính từ ngày 17/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/12/2021) là 14 tháng 20 ngày, lãi suất là 10%/năm (0,833%/tháng), nên được tính như sau:

Số tiền gốc 50.000.000 đồng x 0,833% x 14 tháng 20 ngày = 6.111.000 đồng.

Tổng cộng vốn gốc và lãi ông Nguyễn Ngọc T và bà Dương N Ý phải trả cho bà Mai Thị S là: 50.000.000 đồng + 6.111.000 đồng = 56.111.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu một trăm mười một nghìn đồng*).

[3] Về án phí: Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Nguyễn Ngọc T và bà Dương N Ý phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Mai Thị S không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị S.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Dương N Ý có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị S số tiền vốn gốc và lãi tổng cộng là 56.111.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu một trăm mười một nghìn đồng*), trong đó vốn là 50.000.000 đồng, lãi là 6.111.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các T hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Dương N Ý phải chịu 2.805.550 đồng (*Hai triệu tám trăm lẻ năm nghìn năm trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Mai Thị S không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008354 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm